

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 05 năm 2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation – Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phú Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Số: 228/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần,

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2013-075-1

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		1.304.728.801.723	1.100.444.931.146
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	55.907.981.288	84.215.154.598
1. Tiền	111		52.307.981.288	43.364.509.487
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.600.000.000	40.850.645.111
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		542.295.398.464	425.132.149.154
1. Phải thu khách hàng	131		441.262.207.889	362.701.090.190
2. Trả trước cho người bán	132		43.756.342.302	24.795.484.111
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	57.276.848.273	37.635.574.853
IV- Hàng tồn kho	140	6.3	656.624.498.236	549.332.083.158
1. Hàng tồn kho	141		658.321.468.726	551.139.045.225
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.696.970.490)	(1.806.962.067)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		49.900.923.735	41.765.544.236
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	12.675.721.310	12.428.337.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.298.964.904	22.607.955.523
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	6.5	4.191.010.465	3.486.689.602
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	3.735.227.056	3.242.561.604
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		430.420.957.731	451.731.046.083
I Các khoản phải thu dài hạn	210		13.515.467.381	14.091.957.976
4. Phải thu dài hạn khác	218		13.515.467.381	14.091.957.976
II Tài sản cố định	220		226.742.245.123	251.068.269.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	201.154.348.475	218.640.793.883
- Nguyên giá	222		561.670.062.894	540.166.798.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(360.515.714.419)	(321.526.004.180)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.8	25.286.881.535	31.652.683.952
- Nguyên giá	228		32.246.129.732	36.648.307.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.959.248.197)	(4.995.624.004)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.9	301.015.113	774.791.466
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.10	154.576.571.825	154.645.672.923
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.053.268.520	56.553.268.520
2. Đầu tư liên doanh, liên kết	253		70.112.689.920	75.020.541.018
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24.410.613.385	23.071.863.385
V. Tài sản dài hạn khác	260		35.586.673.402	31.925.145.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.11	33.906.386.202	31.896.142.185
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	29.003.698
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.12	1.680.287.200	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.735.149.759.454	1.552.175.977.229

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.457.969.810.435	1.330.571.991.758
I- Nợ ngắn hạn	310		1.421.248.707.398	1.311.651.239.949
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.13	981.314.810.542	898.039.282.206
2. Phải trả người bán	312		277.152.364.399	220.264.368.489
3. Người mua trả tiền trước	313		2.505.595.211	3.917.600.361
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.14	7.182.717.880	11.096.345.418
5. Phải trả người lao động	315		113.850.716.252	91.496.398.418
6. Chi phí phải trả	316	6.15	15.854.998.246	18.323.580.439
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	6.16	10.133.283.870	59.028.868.256
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.254.220.998	9.484.796.362
II- Nợ dài hạn	330		36.721.103.037	18.920.751.809
3. Phải trả dài hạn khác	333		6.104.428.265	825.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.17	24.930.584.800	14.690.058.959
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.686.089.972	3.405.692.850
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.179.949.019	221.603.985.471
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.18	277.179.949.019	221.603.985.471
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.200.000.000	18.200.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.112.209.716	10.110.795.577
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		64.867.739.303	11.293.189.894
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.735.149.759.454	1.552.175.977.229

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.19	2.829.399.787.694	2.583.453.133.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.19	5.853.636.112	14.861.280.470
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.19	2.823.546.151.582	2.568.591.852.844
4. Giá vốn hàng bán	11	6.20	2.346.512.609.566	2.189.768.794.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		477.033.542.016	378.823.058.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.21	38.737.339.866	38.921.653.880
7. Chi phí tài chính	22	6.22	51.239.389.421	57.769.912.435
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.640.436.028	40.683.528.667
8. Chi phí bán hàng	24		190.257.303.727	168.069.939.305
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		194.245.743.500	125.476.525.799
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		80.028.445.234	66.428.335.144
11. Thu nhập khác	31	6.23	3.968.918.414	12.232.992.991
12. Chi phí khác	32	6.23	3.797.994.078	3.320.284.938
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		170.924.336	8.912.708.053
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		80.199.369.570	75.341.043.197
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.24	13.485.564.945	14.562.030.990
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		66.713.804.625	60.779.012.207
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.25	3.666	3.340

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

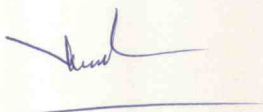
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

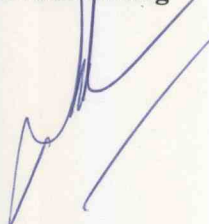
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	80.199.369.570	75.341.043.197
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	2	67.171.156.684	55.780.584.969
Các khoản dự phòng	3	(109.991.577)	(3.650.339.582)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	5.114.633.607	4.152.070.163
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(23.934.977.484)	(23.703.598.201)
Chi phí lãi vay	6	25.640.436.028	40.683.528.667
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	154.080.626.828	148.603.289.213
Biến động các khoản phải thu	9	(124.277.641.629)	59.401.401.580
Biến động hàng tồn kho	10	(107.182.423.501)	12.272.237.222
Biến động các khoản phải trả	11	80.572.625.570	9.819.654.058
Biến động chi phí trả trước	12	(15.003.675.469)	4.017.564.654
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.640.436.028)	(40.310.562.392)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.429.760.970)	(14.948.444.227)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.400.104.987)	(9.108.013.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.280.790.186)	169.747.126.865
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(32.357.894.986)	(33.097.547.866)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.470.378.330	316.398.667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.351.800.000)	(7.280.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.060.842.130	5.629.578.385
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.540.356.885	25.366.552.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.638.117.641)	(9.065.018.751)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.311.735.242.362	2.106.937.461.234
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.224.729.128.804)	(2.342.431.576.768)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.167.323.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.506.113.558	(280.661.438.909)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.412.794.269)	(119.979.330.795)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	84.215.154.598	204.052.927.101
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	105.620.959	141.558.292
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	55.907.981.288	84.215.154.598

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B 09-DN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 05 năm 2014.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.000	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May KonTum
 Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Bình Định
 Chi nhánh Phía Bắc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Cơ cấu tổ chức**Các công ty con****Tỷ lệ vốn đầu tư**

1. Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
2. Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
3. Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
4. Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	51,00%
5. Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
6. Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
7. Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
8. Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	51,00%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.1 Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tỷ lệ vốn đầu tư

1. Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ TM Nhà Bè	28,58%
2. Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	42,51%
3. Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định	49,86%
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%
5. Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè	30,00%
6. Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%
7. Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	49,41%
8. Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%
9. Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	46,67%
10. Công ty Cổ phần Du lịch Lagi	33,33%
11. Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư này thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư 200 có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo bình quân tỷ giá mua vào của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

	2014
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông) công ty con. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo riêng của Tổng Công ty, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	8.513.740.217	11.242.810.815
Tiền gửi ngân hàng	43.794.241.071	32.121.698.672
Các khoản tương đương tiền	3.600.000.000	40.850.645.111
Tổng	55.907.981.288	84.215.154.598

6.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đặt cọc mua đất dự án Long Thới	20.284.186.150	20.284.186.150
Phải thu BHXH nhân viên	1.610.850.100	1.814.314.187
Phải thu các công ty con, công ty liên doanh, các cửa hàng, xí nghiệp	5.683.197.746	11.739.861.157
Phải thu bán nguyên phụ liệu	1.709.405.088	540.831.752
Thuế GTGT được hoàn	25.862.128.844	-
Phải thu khác	2.127.080.345	3.256.381.607
Tổng	57.276.848.273	37.635.574.853

6.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	5.246.253.024
Nguyên liệu, vật liệu	314.903.829.866	232.886.682.107
Công cụ, dụng cụ	1.660.844.011	14.793.270.939
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	210.254.594.641	176.063.488.015
Thành phẩm	76.643.286.332	69.676.077.465
Hàng hóa	7.880.892.783	5.620.825.728
Hàng gửi bán	46.978.021.093	46.852.447.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.696.970.490)	(1.806.962.067)
Tổng	656.624.498.236	549.332.083.158

6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	2.059.188.598	1.357.148.786
Chi phí CCDC	1.506.121.756	833.129.297
Máy móc thiết bị	61.662.006	81.572.647
Phân bổ phụ tùng	641.905.673	216.859.507
Chi phí quảng cáo	572.046.883	1.667.757.626
Chi phí sửa chữa	1.864.411.810	2.949.192.424
Chi phí thuê mặt bằng	5.494.343.374	4.485.619.280
Chi phí khác	476.041.210	837.057.940
Tổng	12.675.721.310	12.428.337.507

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****6.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhập khẩu	4.146.971.327	3.447.496.657
Thuế bảo vệ môi trường	44.039.138	39.192.945
Tổng	4.191.010.465	3.486.689.602

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	3.469.538.510	3.242.561.604
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	265.688.546	-
Tổng	3.735.227.056	3.242.561.604

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	206.943.360.294	306.136.140.623	19.299.012.032	7.788.285.114	540.166.798.063
Tăng trong năm	5.194.877.547	28.506.489.879	305.765.455	1.271.788.985	35.278.921.866
Mua trong năm	-	28.069.630.875	305.765.455	1.271.788.985	29.647.185.315
XDCB hoàn thành	5.194.877.547	382.772.818	-	-	5.577.650.365
Tăng khác	-	54.086.186	-	-	54.086.186
Giảm trong năm	-	13.028.740.880	684.240.455	62.675.700	13.775.657.035
Thanh lý, nhượng bán	-	10.024.422.351	684.240.455	62.675.700	10.771.338.506
Giảm khác	-	3.004.318.529	-	-	3.004.318.529
Số dư tại 31/12/2014	212.138.237.841	321.613.889.622	18.920.537.032	8.997.398.399	561.670.062.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	97.836.255.451	203.960.994.793	13.094.058.733	6.634.695.203	321.526.004.180
Tăng trong năm	12.442.444.358	37.114.848.352	1.839.808.172	732.565.417	52.129.666.299
Khấu hao trong năm	12.442.444.358	37.060.762.166	1.839.808.172	732.565.416	52.075.580.112
Tăng khác	-	54.086.186	-	1	54.086.187
Giảm trong năm	-	12.489.615.181	650.340.879	-	13.139.956.060
Thanh lý, nhượng bán	-	9.485.296.652	650.340.879	-	10.135.637.531
Giảm khác	-	3.004.318.529	-	-	3.004.318.529
Số dư tại 31/12/2014	110.278.699.809	228.586.227.964	14.283.526.026	7.367.260.620	360.515.714.419
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	109.107.104.843	102.175.145.830	6.204.953.299	1.153.589.911	218.640.793.883
Tại 31/12/2014	101.859.538.032	93.027.661.658	4.637.011.006	1.630.137.779	201.154.348.475

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	4.816.588.366	13.973.536.515	15.524.609.255	2.333.573.820	36.648.307.956
Tăng trong năm	-	1.691.587.996	-	-	1.691.587.996
Mua mới trong năm	-	1.691.587.996	-	-	1.691.587.996
Giảm trong năm	2.892.898.354	-	3.200.867.866	-	6.093.766.220
Giảm khác	2.892.898.354	-	3.200.867.866	-	6.093.766.220
Số dư tại 31/12/2014	1.923.690.012	15.665.124.511	12.323.741.389	2.333.573.820	32.246.129.732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	57.049.695	2.273.723.581	1.608.221.927	1.056.628.801	4.995.624.004
Tăng trong năm	119.179.329	1.475.321.567	521.670.638	233.357.388	2.349.528.922
Khấu hao trong năm	119.179.329	1.475.321.567	521.670.638	233.357.388	2.349.528.922
Giảm trong năm	82.786.382	-	303.118.347	-	385.904.729
Giảm khác	82.786.382	-	303.118.347	-	385.904.729
Số dư tại 31/12/2014	93.442.642	3.749.045.148	1.826.774.218	1.289.986.189	6.959.248.197
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	4.759.538.671	11.699.812.934	13.916.387.328	1.276.945.019	31.652.683.952
Tại 31/12/2014	1.830.247.370	11.916.079.363	10.496.967.171	1.043.587.631	25.286.881.535

6.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xí nghiệp may KonTum	301.015.113	774.791.466
Tổng	301.015.113	774.791.466

6.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nội dung	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ/CP	VND	Tỷ lệ/CP	VND
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty CP May Tam Quan	51,0%	15.300.000.000	51%	15.300.000.000
Công ty CP May Bình Định	51,84%	11.535.620.000	52%	11.535.620.000
Công ty CP May An Nhơn	51%	7.650.000.000	51%	7.650.000.000
Công ty CP May Gia Lai	51%	7.650.000.000	51%	7.650.000.000
Công ty CP May Đà Lạt	55%	5.817.648.520	55%	5.817.648.520
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70%	7.000.000.000	0%	-
Công ty CP Kinh doanh Nhà Bè Phía Bắc	-	-	70%	3.500.000.000
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	51%	2.550.000.000	51%	2.550.000.000
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51%	2.550.000.000	51%	2.550.000.000
Tổng		60.053.268.520		56.553.268.520

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Nội dung	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ/CP	VND	Tỷ lệ/CP	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	15.360.000.000	43,89%	15.360.000.000
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà bè	49,41%	9.650.700.000	49,41%	9.650.700.000
Công ty CP May Phú Thỉnh - Nhà Bè	42,51%	9.223.819.263	42,51%	9.223.819.263
Công ty CP Bất Động Sản Nhà Bè	30,00%	9.000.000.000	30%	9.000.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy - Nhà bè	-	-	22,74%	5.355.849.700
Công ty Liên doanh Newell - Nhà bè	-	-	38,75%	4.552.001.398
Công ty CP May 9 - Nam Định	49,86%	3.889.170.657	49,86%	3.889.170.657
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè	28,58%	3.429.000.000	28,58%	3.429.000.000
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà bè	29,99%	3.000.000.000	29,99%	3.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà bè	30,00%	1.500.000.000	30%	1.500.000.000
Công ty CP Truyền thông NBC	46,67%	560.000.000	46,67%	560.000.000
Cty CP Du Lịch Lagi	35,00%	7.000.000.000	33,33%	2.000.000.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	7.500.000.000	25%	7.500.000.000
Tổng		70.112.689.920		75.020.541.018

Nội dung	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư cổ phiếu		
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	3.747.100.000	3.747.100.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Phụ liệu Dệt may Bình An	7.161.920.000	7.161.920.000
Đầu tư KCN Bình An - Bình Thắng	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty Cổ phần May Nam Định	1.338.750.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Nam	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty Cổ phần Chọn	1.350.000.000	1.350.000.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	24.410.613.385	23.071.863.385

6.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê đất	16.506.276.580	16.939.478.539
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.929.775.064	4.648.104.410
Chi phí quảng cáo	335.153.031	185.597.871
Chi phí sửa chữa	3.488.080.813	1.258.894.557
Chi phí phụ tùng	1.640.764.899	604.591.809
Tài sản chuyển theo TT45/2013	6.935.085.815	7.704.115.371
Khác	71.250.000	555.359.628
Tổng	33.906.386.202	31.896.142.185

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.12 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ thuê mặt bằng	1.680.287.200	-
Tổng	1.680.287.200	-

6.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	973.033.085.589	885.369.467.219
NH TMCP Ngoại Thương VN [1]	640.797.989.989	581.924.543.134
- CN HCM		
NH TNHH Indovina	-	1.781.969.887
NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	105.149.014.288
NH VIB [2]	128.622.865.986	146.787.482.322
NH TMCP Á Châu	-	9.021.615.991
NH Far East National Bank [3] - CN HCM	37.204.043.269	13.469.554.232
NH TMCP Quân Đội (MB) [4]	16.391.620.116	5.427.511.220
NH Standard Chartered [5]	4.290.696.383	-
NH Natixis Chi nhánh HCM	-	17.627.847.641
NH ANZ Chi nhánh HCM [6]	84.151.290.246	4.179.928.504
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN	61.574.579.600	-
- CN Nam SG [7]		
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.281.724.953	12.669.814.987
Ngân hàng TMCP Á Châu	598.060.240	4.599.871.927
NH TMCP Ngoại Thương VN - USD	4.552.320.713	1.027.633.722
Ngân hàng Phát triển An Giang	-	3.971.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	1.795.893.474
NH TMCP Ngoại Thương VN - VND	3.131.344.000	1.275.415.864
Tổng	981.314.810.542	898.039.282.206

Trong đó:

[1] Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

6.13 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

[2] Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0138/HDDTD2-VIB625/14 ngày 30/06/2014, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 đồng (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 đồng, tiện ích tín dụng chứng từ là 50.000.000.000 đồng. thời hạn rút vốn là 6 tháng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

[3] Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP.HCM, theo hợp đồng tín dụng số 141015 ngày 29 tháng 05 năm 2014, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2014 đến 18/06/2015. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,35%/ năm, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu.

[4] Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Đông Sài Gòn, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 19.14.280.589305.TD ngày 22 tháng 04 năm 2014, với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD (hoặc nội tệ tương đương), để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty. Thời hạn giải ngân tối đa đến 31/05/2015. Thời hạn vay cho mỗi khoản vay là: 6 tháng. Thời gian đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức tín dụng là ngày sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó, lãi suất cho vay được áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi Bluechip, lãi suất được xác định cụ thể cho từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Lãi được thu định kỳ hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng. Phạt tiền lãi 3% trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày, 5% trên số tiền lãi từ 10 đến 30 ngày và 7% trên số tiền lãi chậm trả trên 30 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

[5] Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 25/08/2011, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm. Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-40 ngày 20/04/2013 với Ngân hàng Standard Charter Bank (Vietnam) limited.

[6] Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh, theo thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 07 tháng 10 năm 2014 lần ba, với tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động. Kỳ hạn tối đa là 5 tháng cho mỗi khoản vay tính từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay bằng chi phí vốn của ngân hàng cộng 1,5%/năm. Còn lại các điều khoản khác không có thay đổi so với thư đề nghị cung cấp tiện ích cũ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng hóa.

[7] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2014/93189/HĐTD ngày 31/07/2014 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2015. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT	2.534.076.738	2.259.802.460
Thuế xuất, nhập khẩu	1.446.907.481	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.643.722.920	7.616.922.643
Thuế thu nhập cá nhân	1.216.195.798	1.091.444.735
Các loại thuế khác	341.814.943	128.175.580
Tổng	7.182.717.880	11.096.345.418

6.15 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	5.088.721.731	2.777.261.731
Bản quyền phần mềm Microsoft	23.247.298	1.215.828.000
Vải chính	4.730.361.950	2.906.839.102
Hạng mục san nền mặt bằng và Đường trục chính Cụm công nghiệp Tam Quan	1.141.235.091	6.847.410.547
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.659.283.001	2.863.587.287
Chi phí phải trả khác	212.149.175	1.712.653.772
Tổng	15.854.998.246	18.323.580.439

6.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	1.595.226.528	373.997.848
Bảo hiểm xã hội	1.014.068.859	670.440.633
Bảo hiểm y tế	660.362.733	471.578.530
Cổ tức phải trả	-	45.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.638.809.749	11.853.790.342
Bảo hiểm thất nghiệp	224.816.001	159.060.903
Tổng	10.133.283.870	59.028.868.256

6.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn		
NH TMCP Á Châu - VND	-	598.060.240
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN HCM VND	8.062.360.000	11.021.411.863
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN HCM USD	16.868.224.800	3.070.586.856
Tổng	24.930.584.800	14.690.058.959

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.17 Vay và nợ dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM như sau:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2014, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VNĐ, nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VNĐ bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sản cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Số dư đến thời điểm 31/12/2014 của hợp đồng vay là 8.062.360.000 VNĐ

Hợp đồng 0018/TD1/05CN: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/TD1/05CN ngày 30 tháng 12 năm 2005, với số tiền cam kết cho vay VNĐ hoặc USD tương đương là 1.530.000 USD, nhằm mục đích đầu tư mở rộng xí nghiệp may Veston E. Thời hạn của khoản vay này là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay USD bằng lãi suất Sibor 6 tháng cộng lãi suất biên USD và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị máy móc thiết bị và nhà xưởng thuộc dự án đầu tư hình thành từ vốn vay này. Số dư đến thời điểm 31/12/2014 của hợp đồng vay này là 789.600 USD.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	182.000.000.000	18.200.000.000	8.287.425.211	9.140.883.579	217.628.308.790
Tăng trong năm	-	-	1.823.370.366	60.779.012.207	62.602.382.573
Trích lập các quỹ	-	-	1.823.370.366	-	1.823.370.366
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.779.012.207	60.779.012.207
Giảm trong năm	-	-	-	58.626.705.892	58.626.705.892
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.940.222.197	10.940.222.197
Chia cổ tức	-	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Chia lợi nhuận HTKD	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000
Giảm khác	-	-	-	286.483.695	286.483.695
Số dư tại 31/12/2013	182.000.000.000	18.200.000.000	10.110.795.577	11.293.189.894	221.603.985.471
Số dư tại 01/01/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	10.110.795.577	11.293.189.894	221.603.985.471
Tăng trong năm	-	-	2.001.414.139	66.713.804.625	68.715.218.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	66.713.804.625	66.713.804.625
Trích lập các quỹ	-	-	2.001.414.139	-	2.001.414.139
Giảm trong năm	-	-	-	13.139.255.216	13.139.255.216
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.675.622.879	12.675.622.879
Giảm khác	-	-	-	463.632.337	463.632.337
Số dư tại 31/12/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	12.112.209.716	64.867.739.303	277.179.949.019

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	-	0,00%	40.494.650.000	22,25%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	-	-
Các cổ đông khác	113.308.780.000	62,26%	91.105.350.000	50,06%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.829.399.787.694	2.583.453.133.314
Doanh thu bán thành phẩm	2.810.062.617.768	2.572.941.451.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.337.169.926	10.511.681.745
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.853.636.112	14.861.280.470
Giảm giá hàng bán	5.853.636.112	14.861.280.470
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.823.546.151.582	2.568.591.852.844

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	2.344.880.821.694	2.182.459.903.171
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.631.787.872	7.308.890.870
Tổng	2.346.512.609.566	2.189.768.794.041

6.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	1.121.835.038	5.793.642.292
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.840.603.847	20.669.989.852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.835.898.867	11.929.771.736
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.361.084.114	-
Lợi nhuận khoán	577.918.000	528.250.000
Tổng	38.737.339.866	38.921.653.880

6.22 Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.640.436.028	40.683.528.667
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	1.178.258.702	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.940.971.941	12.779.630.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.475.717.721	4.293.628.455
Chi phí tài chính khác	4.005.029	13.125.000
Tổng	51.239.389.421	57.769.912.435

6.23 Lợi nhuận khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý	1.470.378.330	2.661.711.303
Thu nhập từ góp vốn Lagi	189.888.028	-
Thu phạt do chậm phát hành hóa đơn	13.080.760	-
Thanh lý nguyên vật liệu	64.200.000	-
Xử lý công nợ	-	8.700.155.415
Khác	2.231.371.296	871.126.273
Tổng	3.968.918.414	12.232.992.991
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	635.700.975	2.703.907.669
Chi phí phạt chậm nộp	2.169.663.463	-
Chênh lệch lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Giặt tẩy Nhà Bè	368.899.700	-
Khác	623.729.940	616.377.269
Tổng	3.797.994.078	3.320.284.938
Lợi nhuận khác	170.924.336	8.912.708.053

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.199.369.570	75.341.043.197
Các khoản điều chỉnh tăng	6.300.340.870	4.105.320.616
Chi phí không chứng từ	3.621.182.590	3.495.000.000
Các khoản phạt	2.169.663.463	-
Các khoản khác	222.765.390	610.320.616
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	286.729.427	-
Các khoản điều chỉnh giảm	25.201.687.961	21.198.239.852
Cổ tức nhận được	22.840.603.847	20.669.989.852
Các khoản khác	-	528.250.000
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	2.361.084.114	-
Tổng thu nhập chịu thuế	61.298.022.479	58.248.123.961
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.485.564.945	14.562.030.990

6.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.713.804.625	60.779.012.207
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.713.804.625	60.779.012.207
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.666	3.340

6.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.420.826.579.703	1.165.055.319.077
Chi phí nhân công	539.033.100.893	380.342.185.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	67.171.156.684	54.012.158.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	689.847.545.017	145.407.982.808
Chi phí bằng tiền khác	70.861.118.175	652.593.501.176
Tổng	2.787.739.500.472	2.397.411.147.342

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tổng Công ty ký các hợp đồng dài hạn thuê mặt bằng để mở các cửa hàng bán các sản phẩm do Tổng Công ty sản xuất. Các hợp đồng sẽ được thanh toán phí hàng tháng với thời gian thuê dài hạn. Lịch thanh toán tiền cụ thể như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thanh toán trong năm thứ 1	11.604.078.400	8.378.662.800
Thanh toán từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	11.529.438.400	13.293.459.600
Tổng	23.133.516.800	21.672.122.400

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch bán hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	801.684.320
		Gia công	5.900.523.239
		Khác	297.185.922
		Nguyên phụ liệu	195.170.487
		Quần áo	3.208.533.143
		Tiền thuê nhà	(1.577.700)
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	56.093.000
		Gia công	1.956.158.676
		Nguyên phụ liệu	51.058.378
		Thiết bị các loại	11.818.182
		Khác	12.057.727
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà Bè	Công ty Liên danh, liên kết	Quần áo	14.547.495
		Điện, ăn, nước, thuê máy	190.028.220
		Tiền thuê nhà	53.275.320
		Chi phí XNK	3.744.664
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	12.974.000
		Khác	94.048.669
		Thiết bị các loại	7.272.727
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	244.943.298
		Nguyên phụ liệu	42.471.530
		Tiền thuê nhà	86.992.770
		Khác	136.371.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	55.909.000
		Khác	2.340.909
		Nguyên phụ liệu	1.217.214.597
		Thiết bị các loại	154.545.455
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	206.857.332
		Khác	143.380.000
		Nguyên phụ liệu	544.969.086
		Quần áo	63.636.364
		Tiền thuê nhà	1.029.166.658
		Phí Air	279.763.078
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty Liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	43.086.000
		Thiết bị các loại	21.090.909

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2014 VND
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	4.609.000
		Nguyên phụ liệu	126.690.266
		Thiết bị các loại	2.000.000
		Tiền thuê đất	40.134.510
		Khác	1.008.269.613
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	214.918.951
		Gia công	2.408.807.934
		Khác	7.572.727
		Thiết bị các loại	34.090.909
		Nguyên phụ liệu	4.124.231.027
		Tiền thuê nhà	170.545.841
		Quần áo	2.326.824.974
Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	105.399.781
		Tiền thuê nhà	235.724.674
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	521.715.455
		Gia công	713.860.000
		Khác	6.076.356
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	16.044.115

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

			Năm 2014
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Gia công quần áo	39.935.717.038
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	86.372.434.182
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	68.620.056.381
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	11.736.801.549
		Hoa hồng đại lý	74.230.909
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	53.180.258.989
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	5.950.043.530
		Nguyên phụ liệu	34.777.500
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	130.096.693.352
Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	Đầu tư khác	Hoa hồng đại lý	68.394.725
		Phí vận chuyển	8.586.004
		Quảng cáo	35.500.000
Công ty Cổ phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	188.818.750
		Phí vận chuyển	8.303.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	2.454.902.460
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	715.170.000
		Khác	383.074.702
		Phụ tùng	769.602.125
		Quảng cáo	6.084.053.806
		Sửa chữa	2.803.120.636
		Văn phòng phẩm	220.830.549
		TSCĐ	1.491.383.050
Công ty Cổ phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	4.508.008.000
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	263.940.000
		Khác	107.800.000
		Phụ tùng	331.323.050
		Thiết bị các loại	823.724.000
		Văn phòng phẩm	6.550.000
Công ty Cổ phần Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	231.924.000
		Phụ tùng	2.540.382.400
		Sửa chữa	742.073.684
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	2.836.743.538
Công ty Cổ phần Du Lịch Lagi	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	44.230.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	2.803.031.800

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	863.994.907	1.237.359.335
Công ty Cổ phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	7.114.505.100	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	6.433.837	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	485.758.269	180.153.649
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	342.627.593
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	189.915.000	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.349.819	
Công ty Cổ phần truyền thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	14.947.836	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	25.618.004	-
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	43.601.560	
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Người mua trả tiền trước		115.689.437
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	12.426.957.036	-
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	15.986.996.863	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	2.833.142.290	1.399.384.620
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	7.380.844.123	5.192.751.571
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	15.456.771.033	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	2.180.696.802	
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	2.420.030.384	756.276.699
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	25.846.594.934	21.988.645.720
Công ty CP Thương Mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	31.494.273	-
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	499.130.170	775.520.854
Công ty CP Tư Vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	154.904.750	
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	
Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán		892.086.883
Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước người bán	237.876.481	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	3.758.367.867	1.569.320.516
Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khác	-	27.797.820

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.13 và số 6.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.907.981.288	84.215.154.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	512.054.523.543	414.428.623.019
Đầu tư dài hạn	24.410.613.385	23.071.863.385
Tài sản dài hạn khác	1.680.287.200	-
Tổng	594.053.405.416	521.715.641.002
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	1.006.245.395.342	912.729.341.165
Phải trả người bán và phải trả khác	293.390.076.534	280.118.236.745
Chi phí phải trả	15.854.998.246	18.323.580.439
Tổng	1.315.490.470.122	1.211.171.158.349

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	981.314.810.542	24.930.584.800	1.006.245.395.342
Phải trả người bán và phải trả khác	287.285.648.269	6.104.428.265	293.390.076.534
Chi phí phải trả	15.854.998.246	-	15.854.998.246
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	898.039.282.206	14.690.058.959	912.729.341.165
Phải trả người bán và phải trả khác	279.293.236.745	825.000.000	280.118.236.745
Chi phí phải trả	18.323.580.439	-	18.323.580.439

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.907.981.288	-	55.907.981.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	498.539.056.162	13.515.467.381	512.054.523.543
Đầu tư dài hạn	-	24.410.613.385	24.410.613.385
Tài sản dài hạn khác	-	1.680.287.200	1.680.287.200
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.215.154.598	-	84.215.154.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	400.336.665.043	14.091.957.976	414.428.623.019
Đầu tư dài hạn	-	23.071.863.385	23.071.863.385

7.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường